

THÔNG BÁO
Tuyển sinh Cao học đợt 1 năm 2022

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Đại học Huế ban hành kèm theo Quyết định số 1538/QĐ-ĐHH ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế và Kế hoạch số 66/KH-ĐHH ngày 13/01/2022 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Kế hoạch tuyển sinh năm 2022, Đại học Huế thông báo tuyển sinh Cao học đợt 1 năm 2022 với những nội dung cụ thể như sau:

I. CÁC NGÀNH TUYỂN SINH

Gồm **83** ngành và chỉ tiêu dự kiến vào các đơn vị thành viên và thuộc Đại học Huế, cụ thể như sau:

TT	Ngành	Mã số	Chỉ tiêu
1. Trường Đại học Khoa học			
1	Địa lí tài nguyên và môi trường	8440220	17
2	Hóa học	8440112	50
3	Kiến trúc	8580101	18
4	Khoa học máy tính	8480101	28
5	Khoa học môi trường	8440301	15
6	Lịch sử Việt Nam	8229013	14
7	Lịch sử thế giới	8229011	10
8	Ngôn ngữ học	8229020	10
9	Dân tộc học	8310310	9
10	Công tác xã hội	8760101	15
11	Quản lí công nghệ thông tin	8480204	17
12	Quản lí tài nguyên và môi trường	8850101	16
13	Quản lí an toàn, sức khỏe và môi trường	8440302	10
14	Quản lí văn hóa	8229042	12
15	Sinh học	8420101	25
16	Công nghệ sinh học	8420201	10
17	Toán học	8460101	24
18	Toán ứng dụng	8460112	10
19	Triết học	8229001	20
20	Vật lí chất rắn	8440104	30
21	Kỹ thuật điện tử	8520203	10
22	Kỹ thuật địa chất	8520501	25
23	Văn học	8229030	20
2. Trường Đại học Sư phạm			
1	Giáo dục học	8140101	100

TT	Ngành	Mã số	Chỉ tiêu
2	Lí luận và PPDH bộ môn Văn – tiếng Việt	8140111	25
3	Lí luận và PPDH bộ môn Lịch sử	8140111	10
4	Lí luận và PPDH bộ môn Địa lí	8140111	10
5	Lí luận và PPDH bộ môn Hóa học	8140111	20
6	Lí luận và PPDH bộ môn Vật lí	8140111	30
7	Lí luận và PPDH bộ môn Toán	8140111	50
8	Lí luận và PPDH bộ môn Sinh	8140111	15
9	Quản lí giáo dục	8140114	350
10	Động vật học	8420103	5
11	Thực vật học	8420111	5
12	Sinh học	8420101	10
13	Vật lí lí thuyết và vật lí toán	8440103	10
14	Hóa vô cơ	8440113	5
15	Hóa hữu cơ	8440114	5
16	Hóa phân tích	8440118	5
17	Hóa lí thuyết và hóa lí	8440119	5
18	Địa lí tự nhiên	8440217	20
19	Toán giải tích	8460102	5
20	Đại số và lí thuyết số	8460104	5
21	Hình học và tô pô	8460105	5
22	Toán học	8460101	10
23	Hệ thống thông tin	8480104	20
24	Lý luận văn học	8220120	12
25	Văn học Việt Nam	8220121	12
26	Văn học nước ngoài	8220242	5
27	Văn học	8229030	12
28	Lịch sử thế giới	8229011	5
29	Lịch sử Việt Nam	8229013	10
30	Địa lí học	8310501	5
31	Tâm lí học	8310401	10
3. Trường Đại học Y – Dược			
1	Điều dưỡng	8720301	10
2	Gây mê hồi sức	8720102	12
3	Khoa học y sinh	8720101	15
4	Nội khoa	8720107	55
5	Ngoại khoa	8720104	45
6	Răng - Hàm - Mặt	8720501	15
7	Sản phụ khoa	8720105	20
8	Tai - Mũi - Họng	8720155	15
9	Y học cổ truyền	8720113	10
10	Y tế công cộng	8720701	30
11	Dược lí dược lâm sàng	8720205	8

TT	Ngành	Mã số	Chỉ tiêu
4. Trường Đại học Nông Lâm			
1	Bảo vệ thực vật	8620112	10
2	Công nghệ thực phẩm	8540101	20
3	Khoa học cây trồng	8620110	30
4	Lâm học	8620201	30
5	Nuôi trồng thủy sản	8620301	10
6	Phát triển nông thôn	8620116	20
7	Quản lý đất đai	8850103	100
8	Thú y	8640101	20
9	Chăn nuôi	8620105	20
10	Kỹ thuật cơ khí	8520103	10
5. Trường Đại học Ngoại ngữ			
1	Lí luận và PPDH bộ môn tiếng Anh	8140111	30
2	Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu	8222024	15
3	Ngôn ngữ Trung Quốc	8220204	15
4	Ngôn ngữ Anh	8220201	15
6. Trường Đại học Kinh tế			
1	Quản lý kinh tế	8310110	285
2	Quản trị kinh doanh	8340101	50
3	Kinh tế chính trị	8310102	25
4	Công nghệ tài chính	8340205	25
7. Trường Đại học Luật			
1	Luật kinh tế	8380107	400
2	Lí luận và Lịch sử Nhà nước và Pháp luật	8380106	30
8. Trường Du lịch			
1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8810103	50
2	Du lịch	8810101	50
9. Khoa Kỹ thuật và Công nghệ			
1	Khoa học dữ liệu	8480109	20
10. Khoa Giáo dục thể chất			
1	Giáo dục học (chuyên ngành Giáo dục thể chất)	8140101	25

II. CHƯƠNG TRÌNH, THỜI GIAN VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

- Chương trình đào tạo:** Theo định hướng nghiên cứu hoặc ứng dụng.
- Thời gian đào tạo:** Từ 1,5 năm đến 2 năm tùy theo chương trình của ngành đào tạo.
- Hình thức đào tạo:** Tập trung toàn thời gian.

III. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

- Phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển
- Điều kiện dự tuyển**

2.1. Điều kiện ngoại ngữ

Người dự tuyển phải đáp ứng được yêu cầu về trình độ ngoại ngữ sau đây:

a) Bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp đại học trở lên có chương trình đào tạo được thực hiện chủ yếu bằng tiếng nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp đã được Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận;

b) Bằng tốt nghiệp đại học do các đơn vị thành viên và thuộc Đại học Huế cấp trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển mà chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được cấp bởi các đơn vị đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận đủ điều kiện tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Thông báo số 138/TB-QLCL ngày 08/02/2021 của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc các chứng chỉ tương đương khác quy định tại Phụ lục III của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Đại học Huế;

d) Riêng đối với người tốt nghiệp đại học hoặc tương đương ngành ngôn ngữ nước ngoài dự tuyển vào các ngành đào tạo tại Trường Đại học Ngoại ngữ, yêu cầu về trình độ ngoại ngữ là ngoại ngữ thứ hai không trùng với ngoại ngữ ghi trên bằng đại học chính sử dụng dự tuyển.

2.2. Điều kiện văn bằng đại học

Người dự tuyển phải đáp ứng được yêu cầu về văn bằng đại học sau đây:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học do các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam cấp. Đối với bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp thì phải có văn bản thẩm định và công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Trường hợp bằng tốt nghiệp đại học là ngành gần hoặc khác với ngành đăng kí dự tuyển trình độ thạc sĩ, người dự tuyển phải hoàn thành bổ sung kiến thức theo quy định tại Điều 8 của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Đại học Huế;

c) Người dự tuyển vào chương trình thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu phải có bằng tốt nghiệp đại học hạng khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập đã được đăng tải trên tạp chí hoặc kỷ yếu hội nghị khoa học có phản biện;

d) Người dự tuyển vào chương trình thạc sĩ theo định hướng ứng dụng của các ngành quản trị và quản lý phải có bằng tốt nghiệp đại học liên quan đến chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực quản trị và quản lý hoặc đang công tác trong lĩnh vực liên quan đến ngành dự tuyển;

đ) Người dự tuyển vào các chương trình đào tạo được dạy và học bằng tiếng nước ngoài phải đáp ứng với quy định tại khoản 5 Điều 5 của Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 7 của Quy định tổ chức và quản lý chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài tại Đại học Huế ban hành kèm theo Quyết định số 755/QĐ-ĐHH ngày 06/01/2020 của Giám đốc Đại học Huế.

2.3. Lí lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự.

2.4. Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định.

2.5. Nộp hồ sơ đầy đủ và đúng thời hạn.

IV. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN TRONG TUYỂN SINH

1. Đối tượng

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

1.1. Người đang công tác liên tục từ hai năm trở lên (*tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng kí dự thi*) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

1.2. Thương binh, người được hưởng chính sách như thương binh.

1.3. Con liệt sĩ.

1.4. Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động.

1.5. Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ hai năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực 1.

1.6. Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

2. Chính sách

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều 10 của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Đại học Huế (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được tính điểm đối tượng ưu tiên là 01 điểm.

V. TIÊU CHÍ VÀ QUY ĐỔI ĐIỂM XÉT TUYỂN

1. Tiêu chí

1.1. Tiêu chí 1: Điểm quy đổi bằng tốt nghiệp đại học hoặc tương đương

Chỉ tính Bằng tốt nghiệp đại học đăng kí vào ngành xét tuyển		
Ngành	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm quy đổi
Ngành đúng/Ngành phù hợp	Xuất sắc	10
	Giỏi	9
	Khá	8
	Trung bình khá	7,5
	Trung bình	7
Ngành đúng/Ngành phù hợp	Không tính xếp loại	7
Ngành gần (Đã bỏ túc kiến thức theo quy định)	Không tính xếp loại	7
Ngành khác (Đã bỏ túc kiến thức theo quy định)	Không tính xếp loại	7

Lưu ý: Bằng đại học hoặc tương đương do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp mà không có xếp loại sẽ được tính điểm quy đổi là 8 điểm.

1.2. Tiêu chí 2: Điểm quy đổi bài báo khoa học

STT	Bài báo	Điểm quy đổi
1	Bài báo đăng ở tạp chí thuộc danh mục WoS hoặc Scopus có hạng Q1, Q2 theo SCImago liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu (tác giả đứng đầu hoặc tác giả liên hệ).	6

STT	Bài báo	Điểm quy đổi
2	Bài báo đăng ở tạp chí thuộc danh mục WoS hoặc Scopus có hạng Q3, Q4 theo SCImago liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu (tác giả đứng đầu hoặc tác giả liên hệ).	5
3	Bài báo toàn văn đăng ở kỉ yếu hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế có phản biện, có chỉ số ISBN hoặc đăng ở tạp chí khoa học quốc tế khác có chỉ số ISSN (kỉ yếu, tạp chí xuất bản bằng tiếng Anh) hoặc đăng ở tạp chí khoa học được tính điểm (mức điểm tối thiểu từ 0,75 trở lên) theo quy định của Hội đồng Giáo sư nhà nước liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu (tác giả đứng đầu hoặc tác giả liên hệ).	4
4	Bài báo toàn văn đăng ở kỉ yếu hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia có phản biện, có chỉ số ISBN hoặc đăng ở tạp chí khoa học được tính điểm (mức điểm tối thiểu từ 0,25 trở lên) theo quy định của Hội đồng Giáo sư nhà nước liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu (tác giả đứng đầu hoặc tác giả liên hệ).	3
5	Bài báo đăng ở tạp chí có chỉ số ISSN, kỉ yếu hội nghị, hội thảo khoa học khác có phản biện liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu (tác giả đứng đầu hoặc tác giả liên hệ).	2

1.3. Tiêu chí 3: Tiêu chí riêng của đơn vị đào tạo

Người dự tuyển vào các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Y - Dược, ngoài việc phải đáp ứng các điều kiện được quy định tại Thông báo tuyển sinh này, phải tham dự kì thi tuyển (kì thi phụ) với môn thi là **môn Chủ chốt (môn chuyên ngành)** do Trường Đại học Y - Dược tổ chức để lấy kết quả làm tiêu chí bổ sung (**Tiêu chí 3**) trước khi Hội đồng tuyển sinh sau đại học của Đại học Huế tiến hành xét tuyển. Chi tiết về kỳ thi này do Trường Đại học Y - Dược quyết định.

2. Quy đổi điểm xét tuyển

Điểm xét tuyển được quy đổi như sau:

$$\langle \text{Điểm xét tuyển} \rangle = \langle \text{Điểm Tiêu chí 1} \rangle \times 2 + \langle \text{Điểm Tiêu chí 2} \rangle + \langle \text{Điểm Tiêu chí 3} \rangle + \langle \text{Điểm đối tượng ưu tiên} \rangle$$

Việc xét tuyển được thực hiện như sau:

- Lấy $\langle \text{Điểm xét tuyển} \rangle$ từ cao đến thấp theo từng ngành đào tạo của đơn vị đào tạo đến hết chỉ tiêu xét tuyển. Trong trường hợp người dự tuyển có $\langle \text{Điểm xét tuyển} \rangle$ giống nhau, thứ tự ưu tiên xét tuyển như sau:

- Đối với chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu

+ $\langle \text{Điểm Tiêu chí 2} \rangle$

+ $\langle \text{Điểm Tiêu chí 1} \rangle$

- Đối với chương trình đào tạo định hướng ứng dụng

+ $\langle \text{Điểm Tiêu chí 1} \rangle$

+ $\langle \text{Điểm Tiêu chí 2} \rangle$

VI. HỒ SƠ ĐĂNG KÍ DỰ TUYỂN

1. Đơn xin dự tuyển theo mẫu của các đơn vị thành viên và thuộc Đại học Huế, trong đó cần ghi rõ ngành, đối tượng dự tuyển (cán bộ công chức, doanh nhân, người dự tuyển tự do...), nghề nghiệp và nơi làm việc, cam kết thực hiện quy chế sau khi trúng tuyển.

2. Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp đại học, bằng điểm đại học nếu văn bằng đại học không ghi loại tốt nghiệp.

3. Bản sao có công chứng văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ;

4. Các giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có) được xác nhận của cấp có thẩm quyền. Các giấy tờ này chỉ được bổ sung trước khi Hội đồng tuyển sinh sau đại học duyệt danh sách dự thi chính thức.

5. Sơ yếu lí lịch được cơ quan quản lí nhân sự nơi người dự tuyển đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

6. Công văn giới thiệu dự tuyển của Thủ trưởng cơ quan quản lí nhân sự đối với những người đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước và ngoài nhà nước.

7. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của một bệnh viện đa khoa hoặc phòng khám tương đương cấp Huyện trở lên.

8. Bản sao có công chứng các quyết định tuyển dụng hoặc bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động dài hạn chờ tuyển dụng để chứng nhận thời gian kinh nghiệm công tác chuyên môn.

9. Các giấy tờ hồ sơ khác theo quy định của các đơn vị đào tạo thành viên và thuộc Đại học Huế.

Tất cả các giấy tờ trên được đựng trong túi hồ sơ (cỡ 32 x 26 cm) có đề rõ ngành và đơn vị đăng kí dự tuyển, họ tên và địa chỉ, số điện thoại liên hệ ở ngoài.

VII. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM

1. Thời gian nhận hồ sơ : Từ ngày thông báo tuyển sinh đến hết ngày **08/4/2022**

2. Lịch xét tuyển : Dự kiến từ ngày **20/4/2022**

3. Địa điểm xét tuyển : Đại học Huế, số 01 Điện Biên Phủ - Thành phố Huế

4. Địa điểm phát hành và thu nhận hồ sơ dự tuyển:

Người dự tuyển liên hệ và gửi hoặc nộp trực tiếp hồ sơ đăng kí dự tuyển theo địa chỉ:

4.1. Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Khoa học; 77 Nguyễn Huệ, TP Huế;
ĐT: 0234.3837380.

4.2. Phòng Đào tạo Trường Đại học Kinh tế; 99 Hồ Đắc Di, TP Huế; ĐT:
0234.3993888.

4.3. Phòng Đào tạo Trường Đại học Ngoại ngữ; 57 Nguyễn Khoa Chiêm, TP Huế;
ĐT: 0234.3830678.

4.4. Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên Trường Đại học Nông Lâm; 102 Phùng Hưng, TP Huế; ĐT:0234.3537757.

4.5. Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Sư phạm; 32 Lê Lợi, TP Huế;
ĐT: 0234.3824234, 0234.3837306.

4.6. Phòng Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Y - Dược; 06 Ngô Quyền, TP Huế;
ĐT: 0234.3820857.

4.7. Phòng Đào tạo Trường Đại học Luật; Khu Quy hoạch Trường Bia, Phường An Tây, TP Huế; ĐT: 0234.3946996.

4.8. Tổ Khoa học – Hợp tác quốc tế Trường Du lịch - Đại học Huế; 22 Lâm Hoàng - Phường Võ Dạ - TP Huế; ĐT: 0234.3933411.

4.9. Khoa Kỹ thuật và Công nghệ - Đại học Huế, số 01 Điện Biên Phủ - TP Huế; ĐT: 0234.3845799.

4.10. Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế, số 52 Hồ Đắc Di – TP Huế; ĐT: 0234 3816058.

VIII. LỆ PHÍ TUYỂN SINH

Lệ phí dự thi bao gồm:

1. Đăng kí dự tuyển: 100.000đ/hồ sơ (*Một trăm nghìn đồng*), nộp tại Phòng Đào tạo sau đại học (hoặc bộ phận phụ trách sau đại học) của các đơn vị thành viên hoặc thuộc Đại học Huế nơi nộp hồ sơ đăng kí dự tuyển.

2. Xét tuyển: 700.000 đ/người dự tuyển (*Bảy trăm nghìn đồng*), nộp theo một trong hai cách:

2.1. Nộp tại Phòng Đào tạo sau đại học (hoặc bộ phận phụ trách sau đại học) của các đơn vị đào tạo thành viên hoặc thuộc Đại học Huế nơi nộp hồ sơ đăng kí dự thi.

2.2. Chuyển tiền qua tài khoản của Đại học Huế, số tài khoản: **121000014706**, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh Huế hoặc nộp trực tiếp tại Ban Kế hoạch, Tài chính và Cơ sở vật chất Đại học Huế, số 03 Lê Lợi – TP Huế, ĐT: 0234 3845807.

Người dự tuyển khi chuyển khoản phải ghi rõ các thông tin: Họ và tên, điện thoại liên hệ, ngành đăng kí dự tuyển, trường đại học thành viên, Trường Du lịch hoặc các Khoa thuộc Đại học Huế nơi người dự tuyển đăng kí dự tuyển.

Mọi chi tiết xin liên hệ với các địa chỉ nêu trên hoặc **Ban Đào tạo và Công tác sinh viên Đại học Huế**, Địa chỉ: Số 01 Điện Biên Phủ (tầng 3) - TP Huế; ĐT: 0234.3833578; Fax: 0234.3825902; Website: <http://hueuni.edu.vn/sdh/>.

Nơi nhận:

- Chủ tịch Hội đồng Đại học Huế;
- Các Phó Giám đốc;
- Các đơn vị thành viên và thuộc có đào tạo thạc sĩ;
- Phân hiệu ĐHH tại Quảng Trị;
- Văn phòng; các Ban: TCCB; TTPC; KH, TC&CSVC;
- Lưu: VT, ĐTCTSV.NĐP.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Linh